



Trụ sở UBND TP.HCM. Ảnh Hòa Tấn

Phát triển bền vững du lịch Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

PGS.TS. NGUYỄN VĂN MẠNH

Sau một năm gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), năm 2007 ngành du lịch VN đã thay đổi diện mạo của mình trong nền kinh tế quốc dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Ngành du lịch VN tham gia sâu hơn vào quá trình hội nhập quốc tế trên diện rộng. Hội nhập WTO đã có tác động nhiều mặt đến phát triển du lịch của VN. Số lượng khách quốc tế năm 2007 đạt 4,2 triệu lượt tăng 17% so với năm 2006. Thu nhập xã hội từ du lịch đạt 56.000 tỷ đồng tăng 9,7% so với năm 2006. Trong năm 2007 đã có 47 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực du lịch được cấp phép với

số vốn là 1.863 triệu USD tăng 195,7 % so với năm 2006 và bằng 1/3 số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào VN năm 2007. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đã đạt được thị phần của Du lịch VN vẫn còn nhỏ bé trong khu vực các nước Đông Nam Á chiếm khoảng 7,8 % thị phần, (Thái Lan là 26%, Malaysia là 33%, Singapore là 14%), năng lực cạnh tranh chưa được cải thiện, đặc biệt là nguồn nhân lực có chất lượng cao. Dựa trên kết quả của Du lịch VN trong năm 2007, bài viết này phân tích một số vấn đề đặt ra đối với sự phát triển du lịch bền vững và đưa ra các giải pháp để phát triển bền vững du lịch VN trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

1. Trụ cột của phát triển du lịch bền vững

Phát triển du lịch bền vững không tách rời khái niệm về phát triển bền vững. Ngay từ những năm 1980, khi các vấn đề về phát triển bền vững bắt đầu được đề cập, tiến hành nghiên cứu thì đã có nhiều nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm đưa ra các khía cạnh ảnh hưởng của du lịch có liên quan đến phát triển bền vững. Nhiệm vụ trọng tâm của những nghiên cứu này nhằm để giải thích cho sự cần thiết phải đảm bảo tính toàn vẹn của môi trường sinh thái, các giá trị văn hóa trong khi tiến hành các hoạt động khai thác tài nguyên phục vụ phát triển du lịch, góp phần tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Du lịch bền vững đứng trước một thử thách là cần phát triển các sản phẩm du lịch có chất lượng, có khả năng thu hút khách cao song không gây phương hại đến môi trường tự nhiên và văn hóa bản địa, thậm chí còn phải có trách nhiệm bảo tồn và phát triển chúng.

Mặc dù còn những quan điểm chưa thật sự thống nhất về khái niệm phát triển du lịch bền vững, tuy nhiên cho đến nay đa số ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch và các lĩnh vực có liên quan khác ở VN đều cho rằng: "Phát triển du lịch bền vững là hoạt động khai thác có quản lý các giá trị tự nhiên và nhân văn nhằm thỏa mãn các nhu cầu đa dạng của khách du lịch, có quan tâm đến các lợi ích kinh tế dài hạn trong khi vẫn đảm bảo sự đóng góp cho bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên, duy trì được sự toàn vẹn về văn hóa để phát triển hoạt động du lịch trong tương lai; cho công tác bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao mức sống của cộng đồng địa phương". Phát triển du lịch bền vững cần dựa vào ba trụ cột cơ bản sau:

Thứ nhất, đảm bảo sự phát triển bền vững về kinh tế: Đảm bảo sự tăng trưởng, phát triển ổn định lâu dài về mặt kinh tế của các doanh nghiệp và của ngành du lịch, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế của quốc gia và cộng đồng.

Thứ hai, đảm bảo sự bền vững về tài nguyên và môi trường: Thể hiện ở việc khai thác sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên và điều kiện môi trường. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên cho phát triển kinh doanh du lịch cần được quản lý sao cho không chỉ thỏa mãn nhu cầu phát triển trong hiện tại mà còn đảm bảo cho nhu cầu phát triển qua nhiều thế hệ. Bên cạnh đó trong quá trình phát triển, các tác động của hoạt động kinh doanh du lịch đến môi

trường sẽ được hạn chế đi đôi với những đóng góp cho các nỗ lực tôn tạo tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Thứ ba, đảm bảo sự bền vững về văn hóa xã hội: Theo đó sự phát triển hoạt động kinh doanh du lịch phải có những đóng góp cụ thể cho phát triển xã hội, đảm bảo sự công bằng trong phát triển.

2. Những vấn đề đặt ra

2.1 Phát triển du lịch thiếu bền vững về kinh tế

Hội nhập đã tạo áp lực rất lớn với doanh nghiệp du lịch VN trong cạnh tranh. Đội ngũ nhân lực du lịch thiếu và yếu về trình độ ngoại ngữ và kinh nghiệm, nhất là thiếu những người có chuyên môn cao. Thị phần của ngành du lịch trong năm 2007 vẫn thấp hơn so với khả năng và thấp hơn nhiều nước trong khu vực như Thái Lan, Singapore, Malaysia. Số lượng các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh du lịch tăng mạnh, nhưng hoạt động không chuyên nghiệp gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng dịch vụ du lịch. Du lịch VN có lợi thế so sánh. Tuy nhiên sự phát triển của du lịch VN chưa nhanh, quy mô nhỏ và hiệu quả kinh doanh chưa cao, tỷ trọng trong GDP thấp, sản phẩm du lịch đơn điệu, tính chuyên nghiệp thấp, vệ sinh chưa bảo đảm. Hệ thống cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật du lịch chưa đồng bộ, chủng loại dịch vụ và chất lượng dịch vụ còn hạn chế chưa đáp ứng đúng các mong muốn của người tiêu dùng du lịch, đặc biệt thị trường khách du lịch có khả năng thanh toán cao. Trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú du lịch, tình trạng vừa thiếu vừa thừa buồng ngủ đang xảy ra nghiêm trọng. Thiếu các loại buồng của khách sạn hạng từ 3 sao trở nên và thừa buồng của các khách sạn có thứ hạng thấp ở các trung tâm du lịch công vụ (MICE) như Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Theo thống kê của Tổng cục Du lịch (Vụ Khách sạn). Đến hết tháng 3 năm 2007 cả nước đã có 8.556 cơ sở lưu trú du lịch với 170.551 buồng. Nhưng các cơ sở kinh doanh lưu trú lại phân bố không đồng đều về địa bàn và mất cân đối về cấp hạng. Một điều cần lưu ý là có nhiều khu vực ở VN, đặc biệt là ở phía Bắc nơi hoạt động du lịch chịu ảnh hưởng của tính mùa vụ, có thể trong cả năm lượng buồng phòng (cung) tương đối cân bằng với lượng khách (cầu), tuy nhiên đã xảy ra sự mất cân bằng trong mùa du lịch (cầu vượt cung) và ngoài mùa du lịch (cung vượt cầu). Ví dụ cụ thể nhất là

khu du lịch Hạ Long, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Cửa Lò. Chỉ số về mức chi tiêu bình quân và thời gian lưu trú trung bình của một lượt khách thấp. Đặc biệt trong năm 2007 có sự bùng nổ về đầu tư xây dựng sân golf (14 dự án). Do đặc điểm của loại sản phẩm này có nguy cơ sẽ phát triển du lịch thiếu bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường (Mỗi sân golf trung bình tiêu thụ lượng nước ngầm để tưới cỏ là 3.000m³/ngày). Sự đa dạng của hệ thống xã hội và hệ thống sinh thái của một địa phương có dự án sân golf cũng bị ảnh hưởng. Khi canh tác nông nghiệp bị dự án sân golf chiếm đất, những công việc dịch vụ du lịch lấn át.

Công tác thanh tra của ngành du lịch chưa đáp ứng được các yêu cầu, chưa kịp thời phát hiện và ngăn chặn nạn làm hàng chui, hàng giả trong du lịch. Chưa thông tin kịp thời cho thị trường những doanh nghiệp kinh doanh du lịch bất hợp pháp. Chiến lược, chính sách và kế hoạch phát triển du lịch còn chấp vá, tính chính xác trong dự báo ở mức độ thấp. Thống kê du lịch chưa đầy đủ, chưa theo các tiêu chí thống kê của tổ chức du lịch thế giới. Trong các ấn phẩm thống kê của tổ chức du lịch thế giới, Du lịch VN rất mờ nhạt, số liệu không đầy đủ. Đặc biệt là số liệu thống kê khách du lịch là người VN đi du lịch nước ngoài. Vì vậy, dự báo thị trường khách đến, khách đi, cơ cấu khách có độ chính xác thấp, dẫn đến không đáp ứng được nhu cầu của thị trường và khó có cơ sở để ra các quyết định nhằm cân bằng cán cân thanh toán giữa nhập khẩu du lịch và xuất khẩu du lịch.

2.2 Phát triển du lịch thiếu bền vững về môi trường sinh thái

Mặc dù đầu tư cho quy hoạch phát triển du lịch khá lớn cả ở Trung ương và địa phương, nhưng kết quả của quy hoạch phục vụ cho phát triển du lịch chưa cao. Mặt khác quản lý triển khai thực hiện quy hoạch phát triển du lịch đang bộc lộ nhiều bất cập, đặc biệt là các quy hoạch phát triển du lịch sinh thái. Nhận thức về loại hình du lịch sinh thái còn mơ hồ, chưa phân biệt sự giống và khác nhau giữa du lịch dựa vào tự nhiên và du lịch sinh thái. Vì vậy đã làm cho sản phẩm du lịch sinh thái của VN bị biến dạng nghiêm trọng và phát triển không đúng hướng làm xâm hại đến giá trị tài nguyên, không tuân theo các nguyên tắc của phát triển bền vững. Mỗi địa phương ban ngành lại đưa ra một mô hình quản lý riêng các quy chế riêng, mâu thuẫn về quản lý và khai thác. Nhiều khách

nước ngoài khi đến VN thật sự đã rất ngạc nhiên và đặt câu hỏi vì sao ở VN lại nhiều khu du lịch sinh thái thế? Tại sao các khu du lịch sinh thái lại được xây dựng ngay trong lòng các đô thị và các khu công nghiệp? Vì vậy trong tư duy của họ đã rất coi thường sự hiểu biết về du lịch sinh thái của nhà quản lý và các nhà kinh doanh du lịch VN. Nơi đáng được quan tâm để phát triển sản phẩm du lịch sinh thái thì đang có nguy cơ bị phá hủy. Ví dụ Tuần Châu ở Vịnh Hạ Long giờ đây không còn giữ được nét hài hòa giữa biển và đảo. Quan sát tổng thể hòn đảo không còn là bức tranh tuyệt tác của thiên nhiên ban tặng mà giờ đây bức tranh này đã bị chính những người chủ của nó tự xé rách nó làm cho nó biến dạng. Nơi đây, những tòa nhà cao (8- 9 tầng), những ngôi nhà hình ống mới xây có kiến trúc như các bệnh viện đang làm mất đi vẻ đẹp tự nhiên mà thiên nhiên ban tặng cho Hạ Long. Đảo gần như bị bê tông hóa với một “nồi lẩu” dịch vụ du lịch thập cẩm. Hiện nay khách đến Hạ Long số đông thích được nghỉ đêm trên vịnh. Chính các tàu thuyền này thải ra rất nhiều khí thải dầu mỡ, ảnh hưởng lớn đến môi trường Vịnh. Mặt khác cơ sở kinh doanh lưu trú thường cung cấp đa dạng dịch vụ, không chỉ dịch vụ lưu trú, ăn uống mà còn bao gồm các dịch vụ khác nên thải ra lượng lớn chất khí thải gây ô nhiễm cho môi trường Vịnh. Năm 2002, chỉ có 16 tàu với 134 phòng đến nay đã có 90 tàu với 680 phòng. Việc phát triển quá nhanh các hoạt động du lịch mà không coi trọng đến công tác đánh giá và quản lý tác động môi trường tại các khu vực phát triển du lịch sẽ là nguyên nhân chính gây ra những hậu quả nghiêm trọng về môi trường tại các khu, điểm du lịch.

2.3 Phát triển du lịch thiếu bền vững về môi trường văn hóa xã hội

Nguồn nhân lực cho quản trị kinh doanh lữ hành và khách sạn quốc tế đang thực sự là vấn đề lớn. Du lịch được xác định là một ngành kinh tế mũi nhọn nhưng trong hệ thống mã ngành đào tạo bậc đại học của quốc gia không có ngành du lịch. Có nơi xếp du lịch vào nhóm ngành quản trị kinh doanh, có nơi xếp du lịch vào nhóm ngành khoa học xã hội và hành vi. Năm 2007 trên cả nước có 40 cơ sở đào tạo bậc đại học về du lịch, một viện nghiên cứu phát triển du lịch, nhưng mức độ thống nhất về các khái niệm phạm trù du lịch còn nhiều bất cập. Ngay cả trong các văn bản quản lý nhà nước về du lịch ở VN, nhiều khái niệm trong du lịch

cũng chưa thống nhất với các khái niệm chung và phổ biến của Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO). Có nhiều khái niệm rất mơ hồ như khu đô thị sinh thái, đô thị du lịch sinh thái, sân golf sinh thái, khu du lịch cao cấp, khu du lịch 5 sao, khách sạn 6 sao được đưa vào các văn bản quản lý và sử dụng một cách tùy tiện. Các tiêu chí thống kê du lịch không phù hợp với tiêu chí thống kê của UNWTO đầy đủ, khái niệm “thu nhập xã hội từ du lịch” rất mờ mờ... Mỗi năm có hàng chục đề tài nghiên cứu khoa học các cấp về du lịch được nghiệm thu, có đề tài nghiên cứu du lịch cấp nhà nước kinh phí hàng tỷ đồng nhưng không được ứng dụng.

Các liên hoan du lịch tại các địa phương và năm du lịch quốc gia như là một hội chứng, hiệu quả thấp. Tổ chức năm du lịch, không phân biệt rõ đâu là xúc tiến thu hút đầu tư, đâu là xúc tiến thu hút khách du lịch. Việc thu hút khách quốc tế đến VN không chỉ đem lại một lượng ngoại tệ không nhỏ, mà còn là cách tốt nhất để giới thiệu hình ảnh của đất nước với thế giới. Đây còn là một hình thức xuất khẩu tại chỗ, đem lại lợi đơn, lợi kép cho điểm đến du lịch. Tuy nhiên, khi chưa có nhiều sản phẩm du lịch, địa phương (nơi đến) chưa đủ điều kiện sẵn sàng đón tiếp khách thì cần gì phải tổ chức năm du lịch cho tốn kém và phản tác dụng. Sự đa dạng văn hóa bản địa cũng bị đe dọa khi người dân bản địa biến nó thành hàng hóa bán cho khách du lịch. Việc tiêu chuẩn hóa các sản phẩm văn hóa để phục vụ khách đang làm mất đi nhiều giá trị văn hóa đặc sắc độc đáo riêng của địa phương. Tính đa dạng văn hóa đang bị ảnh hưởng khi cộng đồng địa phương có những điều chỉnh hóa văn hóa bản địa riêng của mình để đáp ứng thị hiếu theo nhu cầu của khách và điều này còn thường dẫn tới sự điều chỉnh về tinh thần “phục vụ”.

3. Các giải pháp chủ yếu để phát triển bền vững du lịch VN trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

3.1 Nghiên cứu làm rõ ràng các khái niệm và phạm trù cốt lõi trong du lịch làm cơ sở cho việc quản lý nhà nước và quản trị kinh doanh du lịch.

Các khái niệm và phạm trù cốt lõi cần nghiên cứu và làm rõ hơn. Ví dụ như các khái niệm: cầu du lịch, cầu trong du lịch, cung trong du lịch, tiêu chuẩn thống kê du lịch, tài khoản vệ tinh du lịch,

thu nhập xã hội từ du lịch, vùng du lịch, điểm du lịch, các loại hình du lịch, văn hóa du lịch... cần phải có một nội hàm thống nhất. Từ những chuẩn mực này để có quan điểm thống nhất trong cách tiếp cận du lịch là một hệ thống lớn với nhiều phân hệ. Nghiên cứu để có chính sách và cơ chế giải quyết mâu thuẫn về lợi ích của bốn thành phần tham gia vào hoạt động du lịch. Bao gồm lợi ích của khách du lịch, lợi ích của nhà kinh doanh du lịch, lợi ích của các cơ quan quản lý và lợi ích của cư dân nơi đến du lịch. Trên cơ sở của việc dung hòa các mâu thuẫn về lợi ích, phân phối lợi ích một cách hợp lý giữa bốn thành phần này vì mục đích chung là phát triển du lịch nhằm nâng cao chất lượng của cuộc sống. Sự thống nhất trong hành động hướng tới sự phát triển du lịch của quốc gia chỉ có thể giải quyết dựa trên cơ sở phân chia lợi ích.

3.2 Kịp thời đánh giá lại để xếp hạng khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch và công nhận đô thị du lịch ở VN.

Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở Trung ương và địa phương cần có chương trình và kế hoạch cụ thể để xếp hạng khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch và công nhận các đô thị du lịch theo qui định tại chương IV Luật Du lịch. Từ kết quả xếp hạng này xem xét, rà soát và đánh giá lại các quy hoạch phát triển du lịch tổng thể và quy hoạch cụ thể phát triển du lịch đã có để điều chỉnh kịp thời hoặc xây dựng quy hoạch mới. Trong chương trình hành động của mình các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch từ Trung ương đến các địa phương phải chuyển biến trong nhận thức và hành động về tầm quan trọng bậc nhất mang tính quyết định đến sự phát triển du lịch tốt hay xấu là phụ thuộc vào công tác quản lý xây dựng quy hoạch, chất lượng của quy hoạch và quản lý triển khai, thực hiện quy hoạch. Đối với các khu du lịch sinh thái, các di sản thiên nhiên thế giới để phát triển bền vững thì biện pháp tốt nhất là định hướng cung, vì đây là loại hình du lịch lựa chọn chứ không phải là du lịch đại trà.

3.3 Phát triển đồng bộ thị trường du lịch.

Đẩy mạnh và đổi mới kịp thời nghiên cứu dự báo thị trường du lịch cấp quốc gia. Cần giao chức năng nhiệm vụ cụ thể rõ ràng cho một cơ quan chuyên nghiên cứu dự báo thị trường du lịch khách du lịch quốc tế đến khách du lịch quốc tế đi và khách du lịch nội địa. Thị trường du lịch đồng bộ theo chúng tôi bao gồm: Thị trường sản xuất du

lịch, thị trường trung gian, thị trường tiêu dùng du lịch, thị trường nguồn lực du lịch. Phát triển thị trường sản xuất du lịch theo hướng tạo ra chuỗi cung cấp hàng hóa và dịch vụ du lịch (bao gồm cả các dịch vụ công). Phát triển thị trường trung gian theo hướng mở rộng các văn phòng đại diện các hãng quảng cáo, đặc biệt là phát triển lực lượng kinh doanh lẻ hành. Phát triển thị trường tiêu dùng du lịch theo hướng tăng cường trải nghiệm, năng động và linh hoạt trong tiêu dùng. Phát triển cả thị trường du lịch quốc tế chủ động, quốc tế bị động và thị trường du lịch nội địa. Trong đó cần tập trung vào phân đoạn thị trường có thu nhập cao với hành vi tiêu dùng "Chất lượng cao, giá cao". Phát triển thị trường nguồn lực, trước hết là thị trường lao động du lịch theo hướng cân đối cơ cấu lao động trong du lịch theo trình độ đào tạo, theo ngành nghề kinh doanh, theo vùng du lịch. Nâng cao tính chuyên nghiệp và khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ của người lao động. Thị trường vốn, nhà nước cần có chính sách ưu tiên hơn để huy động nguồn vốn của cư dân sở tại vào phát triển du lịch.

3.4 Lựa chọn khu du lịch

Lựa chọn trong số 4 khu du lịch tổng hợp và 18 khu du lịch chuyên đề cấp quốc gia để tập trung nguồn vốn hoàn thiện các khu du lịch quốc gia ngang tầm với các khu du lịch nổi tiếng của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Cơ quan quản lý nhà nước trung ương về du lịch cần căn cứ vào nguồn vốn và tính hấp dẫn của mỗi khu du lịch đã được thực tế kiểm nghiệm trong những năm qua để lựa chọn. Tránh đầu tư tràn lan, cào bằng nơi nào cũng có phần. Trong đó cần ưu tiên, giành nhiều nguồn lực hơn cho các khu du lịch phục vụ khách công vụ (MICE). Chọn một điểm (khu) du lịch cấp quốc gia để thuê các tổ chức du lịch, chuyên gia nước ngoài xây dựng quy hoạch cụ thể. Từ đó chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quy hoạch du lịch của VN. Thuê các tổ chức du lịch quốc tế thực hiện dự án (chương trình) xúc tiến du lịch VN. Kinh phí này có thể lấy từ ngân sách nhà nước đầu tư trực tiếp cho du lịch, hoặc tìm kiếm các nhà tài trợ trong quan hệ hợp tác quốc tế về du lịch. Theo chúng tôi phải coi hoạt động này như là hoạt động ưu tiên hàng đầu và cần được thực hiện ngay ngay trong năm 2008. Xác định kết quả của hoạt động thuê này như là một điểm tựa tạo ra động lực mới cho sự phát triển của Du lịch VN.

3.5 Xây dựng và ban hành mã ngành đào tạo quốc gia ở bậc đào tạo đại học và sau đại học cho ngành du lịch.

Cơ quan quản lý nhà nước trung ương về du lịch phải đứng ra chủ trì làm dự án xây dựng chương trình đào tạo và kiến nghị với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan có thẩm quyền về tính cấp thiết của việc ban hành mã ngành đào tạo quốc gia ở bậc đại học và sau đại học cho ngành du lịch. Chương trình đào tạo du lịch của các cơ sở phải bắt đầu từ thị trường. Vì vậy khi xây dựng chương trình đào tạo nhất thiết phải có sự tư vấn của các nhà sử dụng lao động trong du lịch và có sự phản hồi của các cựu sinh viên đã được đào tạo về du lịch và hiện đang làm việc ở trong ngành. Nguồn nhân lực du lịch bậc đại học đào tạo theo định hướng nâng cao năng lực nghề nghiệp (Professional Oriented High Education – POHE).

3.6. Tiếp tục đổi mới chính sách và cơ chế quản lý ngành du lịch

Phát triển du lịch là sự nghiệp chung của các cấp các ngành, của mọi người dân chứ không chỉ xem là công việc riêng của những người làm trong ngành du lịch. Tuy nhiên những người làm trong ngành du lịch phải đi đầu làm nòng cốt, có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến kiến thức về du lịch trong toàn xã hội. Cần xử lý nghiêm ngặt các hiện tượng không chấp hành luật và các quy định của nhà nước trong hoạt động du lịch. Xóa bỏ tất cả các sự ưu tiên, đặc quyền, cơ chế "xin- cho" trong kinh doanh du lịch hiện nay. Đã là một doanh nghiệp du lịch có giấy phép kinh doanh trong cùng lĩnh vực, trên cùng địa bàn thì không có sự phân biệt ngành, cấp, cơ quan quản lý. Các doanh nghiệp này phải có quyền hạn và nghĩa vụ như nhau. Đặc biệt là Quyết định 317 của Chính phủ về việc chuyển các nhà khách của các bộ ban ngành trung ương sang kinh doanh khách sạn. Nếu quyết định này không còn hiệu lực nữa thì cũng phải công khai xóa bỏ. Kiên quyết không cấp giấy phép kinh doanh lẻ hành quốc tế cho các doanh nghiệp không đủ tiêu chuẩn. Tại các điểm du lịch, khu du lịch, tuyến du lịch của quốc gia và địa phương, các đô thị du lịch, tất cả các cơ sở kinh doanh lưu trú phải chịu sự quản lý nhà nước thống nhất về kinh doanh lưu trú du lịch, tránh tình trạng như hiện nay có cơ sở chịu sự quản lý của Sở Công thương, có cơ sở chịu sự quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Sử dụng quyết liệt các biện pháp kinh tế, hành chính

để bảo vệ môi trường du lịch. Thay đổi thuế giá trị gia tăng đối với du lịch quốc tế chủ động theo sắc thuế đối với xuất khẩu. Đẩy mạnh và nhanh hơn nữa tiến trình đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước trong kinh doanh du lịch. Tổng kết rút kinh nghiệm mô hình Tổng công ty Du lịch Hà Nội, Tổng công ty Du lịch Sài Gòn để thành lập Tổng Công ty Du lịch VN hoạt động theo mô hình công ty mẹ và công ty con. Khẳng định vị trí và phát huy vai trò của Hiệp hội Du lịch VN để bảo vệ thị trường, giá cả, thương hiệu, chống các biện pháp kinh doanh không lành mạnh làm phương hại đến kinh tế xã hội, môi trường ở mỗi điểm khu, vùng du lịch.

3.7 Nâng cao trình độ kinh doanh du lịch của các doanh nghiệp

Hoàn thiện và nâng cao quản trị chiến lược ở cả ba cấp trong doanh nghiệp. Tôn trọng pháp luật và giữ chữ tín trong kinh doanh. Nâng cao trình độ trong hoạt động marketing, đặc biệt là marketing trực tiếp. Nghiên cứu để nắm chắc luật pháp quốc tế trong du lịch, đặc biệt là luật du lịch của các thị trường gửi khách. Tuyển chọn người lao động có tri thức rộng, có tính chuyên nghiệp trong kinh doanh du lịch, giỏi ngoại ngữ. Sử dụng lao động và quản lý lao động theo hướng xây dựng lòng trung thành của người lao động với doanh nghiệp. Kiên quyết không sử dụng người lao động khi họ chưa có chứng chỉ hành nghề. Thực tế cho thấy chỉ có đội ngũ lao động được đào tạo tốt thì họ mới có khả năng nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, có thái độ phục vụ tốt thì mới thu hút được người tiêu dùng du lịch và nâng cao được hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Thiết lập và xử lý tốt các mối quan hệ liên kết dọc và liên kết ngang kinh doanh du lịch. Các nhà cung ứng du lịch phải xác định rõ kinh doanh lĩnh vực nào có vị trí trung gian, thực hiện vai trò phân phối sản phẩm. Vì vậy cần có sự phối kết hợp tự nguyện giữa các nhà cung ứng, đặc biệt là nhà cung ứng dịch vụ văn hóa nghe - nhìn, văn hóa ẩm thực, sản phẩm du lịch sinh thái, hàng thủ công mỹ nghệ, đặc sản ở các địa phương với các doanh nghiệp lữ hành.

3.8 Tăng cường hơn nữa sự phối hợp liên ngành, liên vùng, các nhà cung ứng du lịch trong việc xây dựng và phổ biến và phát triển hình ảnh du lịch VN.

Đây là công việc chung phải được thể hiện thường trực trong ý thức và hành động của mỗi

người trong quá trình phục vụ khách du lịch. Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch VN có vai trò đặc biệt trong việc lập kế hoạch tổ chức phối hợp hành động thống nhất trong quá trình xây dựng, phổ biến và phát triển hình ảnh du lịch VN. Người lao động làm việc tại các cơ quan hữu quan có liên quan trực tiếp đến phục vụ khách du lịch, dân cư tại mỗi điểm đến du lịch cần nêu cao hơn nữa vai trò và ý thức trách nhiệm của mình và phải coi là nghĩa vụ trong việc phổ biến hình ảnh du lịch VN cho người tiêu dùng du lịch. Hình ảnh du lịch VN trên trường quốc tế phải có sự cộng hưởng nỗ lực liên ngành. Du lịch là một trong những lĩnh vực của kinh tế đối ngoại, mang tính tổng hợp. Ngoài các giá trị của tài nguyên du lịch, bản thân ngành du lịch VN, hình ảnh du lịch VN còn phụ thuộc nhiều vào sự phát triển của các ngành khác như đầu tư, thương mại, hợp tác văn hóa kỹ thuật, bảo vệ tài nguyên và môi trường, bưu chính viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm, an ninh, giáo dục, ngoại giao, y tế ... Sự phát triển của kinh tế - xã hội, sự bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội là các yếu tố quan trọng để xây dựng hình ảnh du lịch VN.

Tôn tạo và xây dựng thêm các đầu mối giao thông cả đường hàng không, đường thủy, đường bộ để giải quyết vấn đề khách chỉ tập trung nhiều ở TP.HCM và Hà Nội.

Chỉ có Chính phủ mới đủ quyền lực làm cho sự phối hợp liên ngành, liên vùng chặt chẽ và thực hiện được mục tiêu phát triển du lịch bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Yếu tố quan trọng nhất vẫn là công tác quản lý và điều hành. Trách nhiệm thuộc về các cán bộ đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, các cơ sở kinh doanh, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp ... Vì vậy cán bộ này phải có kinh nghiệm, trình độ có uy tín, hăng say và tâm huyết với ngành du lịch ■

Tài liệu tham khảo:

1. Hội đồng Khoa học Kỹ thuật, Tổng cục Du lịch, Tình hình du lịch thế giới đầu năm 2007: các khuyến nghị về thống kê du lịch, số quý III, 2007.
2. Nguyễn Văn Thường (2006), Tổng kết kinh tế VN 2001-2005, Lý luận và thực tiễn, NXB ĐHKQTĐ.
3. Nguyễn Kế Tuấn (2008), Kinh tế VN sau một năm gia nhập WTO, Đề tài NCKH trọng điểm cấp Bộ năm 2007.
4. Tạp chí Du lịch VN số 01/2008.